

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 8 – 2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Duyên

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/05/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1987; CCCD số 075187025473 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Số 169/2, ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh C - sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số 171B/4, ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh C đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Mạnh C quen biết tìm hiểu được hai năm thì vợ chồng đi đến UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2005. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T.

Sau khi cưới xong vợ chồng chung sống tại gia đình chồng số 171B/4 ấp D, xã G, huyện Thống Nhất. Sau khi về sống chung mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu

xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xúc phạm danh dự nhau tuy nhiên chị T vẫn nhẫn nhục và tha thứ cho anhC nên vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kể từ năm 2019 nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn lo cho gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, kinh tế gia đình do một mình chị T gánh vác. Bản thân chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anhC vẫn chứng tật này.

Từ năm 2019 khi chị T xây nhà riêng tại đất cha mẹ để cho thuộc ấp Dốc Mơ 2, xã Gia Tân 1 xong thì vợ chồng có chuyển về sống chung tại đây nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. AnhC vẫn không thay đổi tính tình nên vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Đến năm 2022 do mâu thuẫn trầm trọng nên anhC đã bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chịT yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anhNguyễn Mạnh C.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/01/2006; cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 04/11/2008; cháu Nguyễn Ngọc Trúc L, sinh ngày 15/6/2015; cháu Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 30/9/2020. Khi ly hôn chịT yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Nguyễn Ngọc Minh Q; Nguyễn Ngọc Trúc L; Nguyễn Ngọc Đăng K, không yêu cầu anhC phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Ngọc Quỳnh N đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn anhNguyễn Mạnh C:** AnhC vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 04/7/2024 nguyên đơn chịT có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, đồng thời do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anhNguyễn Mạnh C; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày

04/11/2008; cháu Nguyễn Ngọc Trúc L, sinh ngày 15/6/2015; cháu Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 30/9/2020 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, riêng cháu N đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C hiện đang cư trú tại số 171B/4, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh C tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/8/2005. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T và anh C đã để xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2019. Vợ chồng thiếu sự quan tâm, thấu hiểu nhau và thiếu trách nhiệm trong việc xây dựng cuộc sống hôn nhân nên để xảy ra mâu thuẫn. Khoảng từ năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài,

không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Qua kết quả xác minh của Tòa án cho thấy anhC vẫn sinh sống tại địa phương, đi làm và về nhà hàng ngày. Ông Nguyễn Ngọc Lân là cha ruột của anhC sống cùng nhà đã nhận và giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anhC. Tuy nhiên, anhC không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của chịT gửi cho Tòa án, cũng không đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc. Qua trình bày của chịT và kết quả xác minh của người thân của anh chị, cũng như chính quyền địa phương cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trong thời gian dài, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân và không còn qua lại quan tâm lẫn nhau cũng như không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức Hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anhC đều vắng mặt, cả anhC và chịT đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chịT và anhC đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chịT là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chịT và anhC chung sống có 04 con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 01/01/2006; cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 04/11/2008; cháu Nguyễn Ngọc Trúc L, sinh ngày 15/6/2015; cháu Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 30/9/2020.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được nuôi dưỡng 03 con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chịT và anhC xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu K do chịT trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L hiện đang sống cùng anhC và gia đình bên nội để đảm bảo việc học của cháu, cháu Quân hiện nay đã có công việc và thu thập. Hiện nay các con chung vẫn qua lại giữa cha và mẹ do hai nhà gần nhau. ChịT hiện nay đang làm buôn bán quán ăn có thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng, hơn nữa nhà chịT và anhC gần nhau nên có điều kiện thuận tiện để anhC qua thăm nom con chung. Thêm vào đó theo xác minh anhC làm nghề lái xe nên thường xuyên đi sớm về khuya, Cháu L chủ yếu do cha mẹ anhC phụ giúp chăm sóc. Nhận thấy, chịT có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q; cháu Nguyễn Ngọc Trúc L; cháu Nguyễn Ngọc Đăng K cho chịT trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng cháu Như đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án* là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh Q, sinh ngày 04/11/2008; cháu Nguyễn Ngọc Trúc L, sinh ngày 15/6/2015; cháu Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 30/9/2020 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Mạnh C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Riêng cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007915 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 1, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 56 quyền số 01 ngày 29/8/2005);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

